

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/HS-ST

Ngày: 19/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LAG GI**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Đức** và ông **Nguyễn Văn Quang**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Đức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ Ly số 127/2020/TLST-HS ngày 21/12/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 07/01/2021 đối với các bị cáo;

1/**Trịnh Văn H**, sinh năm 1985 tại Thanh Hóa, tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Bái Tr, xã Hòa Lộc, Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa ;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, Hện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trịnh Văn Học, sinh năm 1957 và bà Đ Thị Huế, sinh năm 1962, ông bà hiện trú tại Thôn Bái Tr, xã Hòa Lộc, Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa .

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu;

Vợ: Trương Thị Thúy, sinh năm 1987

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016

Vợ, con hiện cư trú tại: Thôn Bái Tr, xã Hòa Lộc, Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2010/HSST ngày 29/01/2010 bị TAND Hện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 02 ngày tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2012/ HSST ngày 02/3/2012 bị TAND Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/9/2020, hiện đang còn bị tạm giam.

2/ **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa, tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Bái Tr, xã Hòa Lộc, Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa ;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, Hện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Thiện, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1964, ông bà hiện trú tại Thôn Bái Tr, xã Hòa Lộc, Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa .

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/ HSST ngày 26/4/2018 bị TAND Hện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2019 hiện chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 03/9/2014 bị Công an Hện Hậu Lộc,, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/9/2020, hiện đang còn bị tạm giam

** Người bị hại:*

1/ Ông: Phạm Văn Đ, sinh năm 1995 (Có mặt)

Nơi cư trú: 184, Minh Hòa, Hàm Minh, Hện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đoài, xã Xuy Xá, Hện Mỹ Đức, Hà Nội

Tạm trú: Khu phố Lập Hòa, thị trấn Thuận Nam, Hện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông: Nguyễn Tr, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hiệp Lễ, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

4/ Ông: Trương Công Ly, sinh năm 1952 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

5/ Bà: Nguyễn Thị Mai Tr1, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

“NỘI DUNG VỤ ÁN:”

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn H và Nguyễn Văn K là những đối tượng thường xuyên có hành vi trộm cắp tài sản và không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 20/4/2020 đến ngày 11/7/2020 Trịnh Văn H đã 05 lần thực hiện vi phạm trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn K đã có 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể: Thời gian và phương thức phạm tội của từng bị cáo thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 20/4/2020, Trịnh Văn H điều khiển xe mô tô không rõ biển số đi từ ngã ba 46 Tân Nghĩa xuống xã Tân Hải thị xã L để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cửa hàng bán đồ điện Năm Chiêu do bà Nguyễn Thị Mai Tr1 làm chủ, thấy trong tiệm không có người trông coi nên H vào lấy 06 cuộn dây điện hiệu Cadivi loại 6.0 còn mới nhiều màu sắc. Lấy xong H điều khiển xe theo hướng núi Tà Cú ra Hàm Thuận Nam bán cho một người không rõ lai lịch được 2.200.000 đồng.

Vật chứng hiện nay không thu hồi được, tại bản kết luận định giá tài sản số 60 ngày 23/7/2020 của HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã L kết luận, trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.468.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trưa ngày 27/6/2020 Trịnh Văn H điều khiển xe mô tô không rõ biển số đi từ ngã ba 46 Tân Nghĩa ra Hẻm Hàm Thuận Nam để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cửa hàng bán đồ hải sản do ông Phạm Văn Đ làm chủ, thấy vợ chồng ông Đ đang nằm ngủ, trong tiệm không có người trông coi nên H vào lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen. Lấy xong H điều khiển xe về lại thị trấn Tân Nghĩa và tháo vớt bỏ sim có trong điện thoại. Ngày hôm sau H rao bán chiếc điện thoại trên mạng thì được một người không rõ lai lịch mua với giá 3.500.000 đồng.

Vật chứng hiện nay không thu hồi được, tại bản kết luận định giá tài sản số 44/2020 ngày 23/7/2020 của HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Hẻm Hàm Thuận Nam kết luận, giá trị điện thoại bị cáo chiếm đoạt là 13.520.000 đồng, trị giá cái sim là 56.000 đồng, tổng cộng 13.576.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 07 giờ 30 ngày 02/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến thị xã L trộm cắp tài sản thì K đồng ý. H điều khiển xe mô tô loại Winer chở K xuống xã Tân Hải, thị xã L. Khi đi đến tiệm bán đồ điện của ông Trương Công Ly, K và H giả vờ vào mua hàng thì phát hiện trong tiệm không có người nên H và K mỗi người lấy 03 cuộn dây

điện hiệu Cadivi còn mới, sau đó cả hai về lại Tân Nghĩa, Hận Hàm Tân và H bán số dây điện trên cho một người không rõ lai lịch được 1.800.000đồng, H chia cho K 900.000 đồng.

Vật chứng hiện nay không thu hồi được, tại bản kết luận định giá tài sản số 60 ngày 23/7/2020 của HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã L kết luận, trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 7.058.700 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 07 giờ ngày 09/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến thị trấn Thuận Nam trộm cắp tài sản thì K đồng ý. H điều khiển xe mô tô của K biển số 86B6-417.22 chở K ra Hàm Thuận Nam. Khi đi đến tiệm bán quần áo ADAM của anh Nguyễn Văn D, thấy cửa mở nên H dừng xe vào tiệm, K theo sau và đứng ngoài cửa cảnh giới. H vào trong tiệm thấy không có ai nên H lục loại thì phát hiện 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng và 1.500.000 đồng trong tủ gỗ. H lấy toàn bộ số tài sản trên sau đó chở K về lại Tân Nghĩa. Trên đường đi do nghi ngờ điện thoại cài định vị nên H vứt bỏ xuống cầu Sông Phan còn số tiền H chia cho K 200.000đồng.

Vật chứng hiện nay không thu hồi được, tại bản kết luận định giá tài sản số 43/2020-HĐĐG ngày 23/7/2020 của HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Hận Hàm Thuận Nam kết luận, trị giá chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt là 6.400.000 đồng.

Vụ thứ 5: Chiều ngày 11/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến thị xã L trộm cắp tài sản thì K đồng ý. H điều khiển xe mô tô của K biển số 86B6-417.22 chở K đến xã Tân Hải, thị xã L. Khi đi đến tiệm bán đồ điện của ông Nguyễn Tr, thấy cửa mở nên H dừng xe vào tiệm, K theo sau và đứng ngoài cửa cảnh giới. H vào trong tiệm thì phát hiện 01 điện thoại di động OPPO A5 màu đen, H lấy bỏ vào túi quần, sau đó chở K về lại Tân Nghĩa. Ngày 12/7/2020 H chở K đem điện thoại trên đến tiệm điện thoại Quang Thái khu phố 3, phường Phước Lộc bán cho anh Thái 2.400.000 đồng, H chia cho K 1.200.000đồng. Cùng ngày anh Thái đã bán lại cho một người không xác định được nhân thân lai lịch.

Vật chứng hiện nay không thu hồi được, tại bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 23/7/2020 của HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã L kết luận, trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 2.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 18/12/2020 của VKSND thị xã La Gi đã truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 điều 173 BLHS, Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Mặc dù ý thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài. Trong thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7/2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, không có việc làm nên Trịnh Văn H và Nguyễn Văn K bàn bạc và thực hiện tổng cộng 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã L và Hận Hàm Thuận Nam, chiếm đoạt 12 cuộn dây điện hiệu Cadivi, 03 điện thoại di động và số tiền 1.500.000 đồng của các bị hại Nguyễn Thị Mai Tr1, Phạm Văn Đ, Trương Công Ly,

Nguyễn Văn D và Nguyễn Tr. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 37.702.700 đồng.

Về tính chất vụ án, đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, bị cáo H giữ vai trò chính, là người khởi xướng rủ rê và trực tiếp thực hành 05 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 37.702.700 đồng. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự” *Có tính chất cHên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS.

Với bị cáo K tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp, trong đó có 02 vụ giúp sức và 01 vụ là người thực hành. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.658.700 đồng. Do đó đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tài sản công dân, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên đề nghị cần xử Ly nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ, sau phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Với bị cáo H đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Tr và ông Tr làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa ông D xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp, mỗi lần phạm tội đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Với bị cáo Nguyễn Văn K, ngoài tình tiết tăng nặng nêu trên, bị cáo còn có 01 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Trên cơ sở phân tích tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, qua đó VKS đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội” trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS, điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trịnh Văn H từ 04 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s Khoản 1,2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù

Phần dân sự : Người bị hại Nguyễn Tr đã được bồi thường, hiện không yêu cầu gì nên đề nghị không xét, với các bị hại còn lại gồm có:

Bà Nguyễn Thị Mai Tr1, yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 6.468.000 đồng

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường 13.576.000 đồng

Ông Trương Công Ly yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.058.700 đồng

Ông Nguyễn Văn D yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.900.000 đồng

Đây là yêu cầu hợp lý có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Phần vật chứng vụ án:

Sau khi bị bắt Trịnh Văn H đã giao nộp số tiền 3.900.000 đồng, 01 CMND mang tên Trịnh Văn H, 01 điện thoại di động hiệu Iphon 6S plus màu hồng, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo sơ mi, 01 đôi dép màu đen.

Bị cáo Nguyễn Văn K giao nộp; số tiền 800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn K, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thanh An, 01 giấy bán xe, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng biển số 86B6 – 417.22, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo sơ mi màu trắng.

Vật chứng hiện đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã L, trừ giấy mua bán xe lưu trong hồ sơ. Đề nghị HĐXX tiếp tục tạm giữ những tài sản có giá trị và số tiền của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Những vật chứng còn lại là của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho các bị cáo, riêng xe mô tô Exciter màu trắng biển số 86B6 – 417.22 của bị cáo Nguyễn Văn K dùng làm phương tiện phạm tội đề nghị HĐXX tịch thu sung công.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của VKS đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà VKS viện dẫn trong cáo trạng.

Phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại trong vụ án thống nhất với nội dung vụ án như cáo trạng của VKS, phần dân sự, người bị hại đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại như VKS đề nghị. Phần hình phạt đề nghị HĐXX xử lý theo quy định, riêng ông D xin HĐXX giảm nhẹ cho các bị cáo.

“NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:”

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an thị xã La Gi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Trịnh Văn H và Nguyễn Văn K là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, tại phiên Tòa, qua tranh tụng, đã thừa nhận. Xuất phát từ động cơ tư lợi, để có tiền tiêu xài, từ ngày 20/4/2020 đến ngày 11/7/2020 Trịnh Văn H đã 05 lần thực hiện vi phạm cắp tài sản, Nguyễn Văn K đã có 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể: Thời gian và phương thức phạm tội của từng bị cáo thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 20/4/2020, Trịnh Văn H đến cửa hàng bán đồ điện Năm Chiêu do bà Nguyễn Thị Mai Tr1 làm chủ, thấy trong tiệm không có người trông coi nên H vào lấy 06 cuộn dây điện hiệu Cadivi loại 6.0 còn mới nhiều màu sắc trị giá 6.468.000 đồng sau đó bán cho một người không rõ lai lịch được 2.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trưa ngày 27/6/2020 Trịnh Văn H đến cửa hàng bán đồ hải sản do ông Phạm Văn Đ làm chủ, H vào lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen. Giá trị điện thoại bị cáo chiếm đoạt là 13.520.000 đồng, trị giá cái sim là 56.000 đồng, tổng cộng 13.576.000 đồng. Sau đó bị cáo bán cho một người không rõ lai lịch với giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 07 giờ 30 ngày 02/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến tiệm bán đồ điện của ông Trương Công Ly, K và H giả vờ vào mua hàng thì phát hiện trong tiệm không có người nên H và K mỗi người lấy 03 cuộn dây điện hiệu Cadivi còn mới, sau đó H bán số dây điện trên cho một người không rõ lai lịch được 1.800.000 đồng, H chia cho K 900.000 đồng. Trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 7.058.700 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 07 giờ ngày 09/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến tiệm bán quần áo ADAM của anh Nguyễn Văn D, thấy cửa mở nên H dừng xe vào tiệm, K theo sau và đứng ngoài cửa cảnh giới. H vào trong tiệm lấy 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng và 1.500.000 đồng trong tủ gỗ. Trên đường về Tân Nghĩa do nghi ngờ điện thoại cài định vị nên H vứt bỏ xuống cầu Sông Phan còn số tiền H chia cho K 200.000 đồng. Trị giá chiếc ĐTDĐ các bị cáo chiếm đoạt là 6.400.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền mặt.

Vụ thứ 5: Chiều ngày ngày 11/7/2020 Trịnh Văn H rủ Nguyễn Văn K đi đến tiệm bán đồ điện của ông Nguyễn Tr, thấy cửa mở nên H dừng xe vào tiệm, K theo sau và đứng ngoài cửa cảnh giới. H vào trong lấy 01 điện thoại di động OPPO A5 màu đen. Ngày 12/7/2020 H chở K đi bán điện thoại được 2.400.000 đồng, H chia cho K 1.200.000 đồng. trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 2.700.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với lời khai người bị hại, về thời gian, địa điểm và loại tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt, vì vậy hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS.

[3] Việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi căn cứ vào hành vi Trịnh Văn H Trong thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 7/ 2020 đã lén lút thực hiện tổng cộng 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã L và Hện Hàm Thuận Nam, chiếm đoạt 12 cuộn dây điện hiệu Cadivi, 03 điện thoại di động và số tiền 1.500.000 đồng của các bị hại Nguyễn Thị Mai Tr1, Phạm Văn Đ, Trương Công Ly, Nguyễn Văn D và Nguyễn Tr. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 37.702.700 đồng. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự” *Có tính chất chHên nghiệp*” để truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản “ theo điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS là chứng cứ buộc tội đúng người, đúng tội nên HĐXX chấp nhận.

Với bị cáo Nguyễn Văn K, tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp, trong đó có 02 vụ giúp sức và 01 vụ là người thực hành. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.658.700 đồng để truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản “ theo khoản 1 Điều 173 BLHS là chứng cứ buộc tội đúng người, đúng tội nên HĐXX chấp nhận.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân, thể hiện tính tham lam tư lợi. Với thủ đoạn dùng xe mô tô đi từ một địa phương khác, nhanh chóng đột nhập chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát đã gây không ít khó khăn cho cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phá án. Chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo đã gây ra nhiều vụ trộm cắp, hai ngày vụ, gây ra tâm Ly hoang mang cho lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử Ly về hành vi trộm cắp nhưng vẫn không thấy được sai phạm. Sau nhiều lần học tập cải tạo, bản thân các bị cáo cũng không thay đổi, các bị cáo không muốn làm người tử tế, điều đó chứng tỏ bản chất của các bị cáo là những đối tượng quá coi thường pháp luật và đạo Ly làm người vì vậy HĐXX cần xử Ly nghiêm.

[5] Xét tính chất vụ án và vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H giữ vai trò chính, là người khởi xướng rủ rê và trực tiếp thực hành 05 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 37.702.700 đồng. Với bị cáo K tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp, trong đó có 02 vụ giúp sức và 01 vụ là người thực hành tích cực, tổng giá trị tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt là 17.658.700 đồng. Từ phân tích trên cho thấy, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm hơn bị cáo K do đó HĐXX cần phải cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng cho từng bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, sau phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Với bị cáo H đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Tr và ông Tr làm đơn xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp, mỗi lần trộm cắp đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Với bị cáo Nguyễn Văn K, ngoài tình tiết tăng nặng nêu trên, bị cáo còn có 01 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

[8] Về phần dân sự, người bị hại Nguyễn Tr đã được bồi thường, hiện không yêu cầu gì nên HĐXX không xét, với các bị hại còn lại gồm có:

Bà Nguyễn Thị Mai Tr1, yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 6.468.000 đồng, đây là yêu cầu có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường 13.576.000 đồng, đây là yêu cầu có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Ông Trương Công Ly yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.058.700 đồng đây là yêu cầu có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường và được chia phần cho mỗi bị cáo là 3.529.350 đồng.

Ông Nguyễn Văn D yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.900.000 đồng, đồng đây là yêu cầu có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường và được chia phần cho mỗi bị cáo là 3.950.000 đồng .

[9] Về vật chứng vụ án: Với số tiền Trịnh Văn H đã giao nộp 3.900.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu hồng, HĐXX cần tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Với 01 CMND mang tên Trịnh Văn H, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo sơ mi, 01 đôi dép màu đen, đây là tài sản của bị cáo H không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

* Với số tiền bị cáo Nguyễn Văn K giao nộp 800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, HĐXX cần tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn K, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo sơ mi màu trắng, đây là tài sản của bị cáo K không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo

Riêng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng biển số 86B6 – 417.22 là tài sản của bị cáo K đã dùng làm phương tiện cùng với bị cáo H đi trộm cắp nên HĐXX cần tịch

thu sung công (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thành An).

Vật chứng hiện đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020.

Với phương tiện xe mô tô bị cáo H dùng làm phương tiện trộm cắp, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H đã bán lại cho người khác hiện không xác định được nên HĐXX không xem xét.

[10] Với ông Trần Quang Thái là người mua điện thoại Oppo của các bị cáo, do khi mua ông Thái không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên VKS không truy tố trong vụ án này nên HĐXX không xét.

[11] Về án phí, các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

***Tuyên bố:** Các bị cáo Trịnh Văn H và Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”

***Căn cứ:** Điểm b Khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Phạt: Trịnh Văn H 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2020.

***Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Phạt: Nguyễn Văn K 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2020.

***Căn cứ :** Điều 46 BLHS, Điều 280, 468, 584, 587, 589 BLDS

***Tuyên :** Buộc bị cáo Trịnh Văn H phải bồi thường cho:

1 - Bà Nguyễn Thị Mai Tr1 6.468.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn*).

2 - Ông Phạm Văn Đ 13.576.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn*).

***Tuyên :** Buộc bị cáo Trịnh Văn H và bị cáo Nguyễn Văn K phải liên đới bồi thường cho:

1- Ông Trương Công Ly 7.058.700 đồng, được chia phần cho mỗi bị cáo bồi thường là 3.529.350 đồng (*Ba triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm năm mươi đồng*).

2- Ông Nguyễn Văn D 7.900.000 đồng, được chia phần cho mỗi bị cáo bồi thường là 3.950.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 375 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành án.

Căn cứ: Điều 47, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

***Tuyên:**

1- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn H 01 CMND mang tên Trịnh Văn H, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo sơ mi, 01 đôi dép màu đen. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Công an thị xã L .

2- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn K, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo sơ mi màu trắng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Công an thị xã L.

3- Tiếp tục tạm giữ số tiền của bị cáo Trịnh Văn H 3.900.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphon 6S plus màu hồng để đảm bảo thi hành án. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Công an thị xã L.

4- Tiếp tục tạm giữ số tiền của bị cáo Nguyễn Văn K 800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh để đảm bảo thi hành án. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Công an thị xã L.

5- Tịch thu sung công 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng biển số 86B6 – 417.22 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn K dùng làm phương tiện cùng với bị cáo H phạm tội (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thành An). Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Công an thị xã L.

***Căn cứ:** Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST , bị cáo Trịnh Văn H phải chịu 1.376.000 đồng án phí DSST, bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 374.000 đồng án phí DSST.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- VKSND, CA tx L;
- Cơ quan THAHS tỉnh Bình Thuận
- Nhà tạm giữ CA TX L
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS L;
- UBND địa phương bị cáo cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TẠ LIỄU